

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 10

A. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Trắc nghiệm

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

Nội dung kiến thức từ bài 1 đến bài 6 học sinh chú ý những nội dung trọng tâm sau:

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Khái niệm nào là đúng về Sử học?

- A. Sử học là khoa học nghiên cứu về hoạt động của con người.
- B. Sử học là khoa học nghiên cứu về văn hóa của con người.
- C. Sử học là khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người.
- D. Sử học là khoa học nghiên cứu về tiến hóa của con người.

Câu 2: Lịch sử được hiểu theo những nghĩa nào sau đây?

- A. Tái hiện lịch sử và học tập lịch sử.
- B. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.
- C. Nhận thức lịch sử và hiểu biết lịch sử.
- D. Hiện thực lịch sử và tái hiện lịch sử.

Câu 3: Yếu tố nào sau đây *không* phải là quá trình sưu tầm sử liệu?

- A. Lập danh mục sử liệu cần sưu tầm.
- B. Tìm kiếm thông tin liên quan.
- C. Thu thập thông tin liên quan.
- D. Lập kế hoạch nghiên cứu.

Câu 4: Thông qua việc tổng kết thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm là nhiệm vụ nào của Sử học?

- A. Nhận thức.
- B. Dự báo.
- C. Giáo dục.
- D. Tuyên truyền.

Câu 5: Xác định đâu là hiện thực lịch sử?

- A. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập ngày 2 – 9 - 1945
- B. Câu chuyện con ngựa gỗ Thành Troy
- C. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh.
- D. Bia tưởng niệm thủ lĩnh La – pu – la -pu

Câu 6: So với hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử có đặc điểm gì?

- A. Nhận thức lịch sử luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử.
- B. Nhận thức lịch sử không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử.
- C. Nhận thức lịch sử thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử.
- D. Nhận thức lịch sử độc lập, khách quan với hiện thực lịch sử.

Câu 7: Ý nào dưới đây *không* phải là đối tượng nghiên cứu của Sử học?

- A. Những hiện tượng tự nhiên đã xảy ra trong quá khứ.
- B. Quá khứ của một cá nhân hoặc một nhóm, một cộng đồng người.
- C. Quá khứ của một quốc gia, khu vực trên thế giới.
- D. Quá khứ của toàn thể nhân loại.

Câu 8: Nhận định nào sau đây phản ánh *không* đúng khi nói đến sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời?

- A. Tri thức lịch sử luôn biết đổi và phát triển không ngừng.

B. Tri thức lịch sử gắn liền với sự xuất hiện nguồn sử liệu mới.

C. Nhận thức về sự kiện, hiện tượng lịch sử có thể thay đổi.

D. Nhận thức lịch sử phụ thuộc vào nội dung nghiên cứu.

Câu 9. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng lí do cần phải học tập lịch sử suốt đời?

A. Lịch sử là môn khó học cần phải học tập suốt đời để hiểu lịch sử.

B. Tri thức kinh nghiệm của quá khứ rất cần thiết cho cuộc sống hiện tại và tương lai.

C. Nhiều sự kiện, quá trình lịch sử vẫn chứa đựng những điều bí ẩn cần tiếp tục khám phá tìm tòi.

D. Học tập khám phá lịch sử giúp đưa lại những cơ hội nghề nghiệp thú vị.

Câu 10: Việc dạy và học lịch sử dân tộc ở trường phổ thông có ý nghĩa và giá trị nào dưới đây?

A. Mỗi dân tộc tự nhận thức chính mình trong quan hệ quốc tế.

B. Tạo cơ sở để học hỏi, giao lưu, hội nhập quốc tế.

C. Tạo điểm tựa cho lòng tin vào sức mạnh của dân tộc

D. Hình thành tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

Câu 11: Một bản triều Nguyễn chứa đựng những tri thức lịch sử thuộc dạng nào dưới đây?

A. Tri thức ẩn, thu được từ sự trải nghiệm thực tế thành kĩ năng của mỗi cá nhân.

B. Tri thức hiện, đã được hiểu biết, nhận thức, thường được thể hiện cụ thể qua văn bản.

C. Tri thức ẩn, đã được hiểu biết, nhận thức, thường được thể hiện cụ thể qua văn bản.

D. Tri thức hiện, thu được từ sự trải nghiệm thực tế thành kĩ năng của mỗi cá nhân.

Câu 12: Các bước thu thập thông tin, sử liệu làm giàu tri thức gồm?

A. Xác định vấn đề, xác định đánh giá, sưu tầm sử liệu, chọn lọc phân loại.

B. Xác định vấn đề, sưu tầm sử liệu, chọn lọc phân loại, xác định đánh giá.

C. Xác định vấn đề, chọn lọc phân loại, sưu tầm sử liệu, xác định đánh giá.

D. Sưu tầm sử liệu, sưu tầm sử liệu, xác định đánh giá, xác định vấn đề.

Câu 13: Sử liệu đóng vai trò là cầu nối giữa

A. khảo sát và tìm kiếm.

B. hiện thực lịch sử và tri thức lịch sử.

C. phân loại và đánh giá.

D. quá khứ và thực tại.

Câu 14: Các bước thu thập thông tin, sử liệu làm giàu tri thức gồm?

A. Xác định vấn đề, xác định đánh giá, sưu tầm sử liệu, chọn lọc phân loại.

B. Xác định vấn đề, sưu tầm sử liệu, chọn lọc phân loại, xác định đánh giá.

C. Xác định vấn đề, chọn lọc phân loại, sưu tầm sử liệu, xác định đánh giá.

D. Sưu tầm sử liệu, sưu tầm sử liệu, xác định đánh giá, xác định vấn đề.

Câu 15: Một trong những lợi ích của việc học tập khám phá lịch sử suốt đời là?

A. Giúp con người cập nhật và mở rộng tri thức

B. Tách rời lịch sử và cuộc sống của con người

C. Giúp con người phát triển cả về thể chất và trí óc

Câu 16. Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản là phải đảm bảo tính

A. kế thừa.

B. nguyên trạng.

C. tái tạo.

D. nhân tạo.

Câu 17. Cơ sở khoa học cho công tác xác định giá trị, bảo tồn và phát huy giá trị đích thực của di sản là kết quả nghiên cứu

A. Sử học.

B. Địa lí.

C. Văn học.

D. Toán học.

Câu 18. Di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy giá trị của mình sẽ góp phần phát triển

- A. kinh tế - chính trị.
- B. kinh tế - văn hóa.
- C. kinh tế - xã hội.
- D. chính trị - xã hội.

Câu 19. Du lịch có vai trò như thế nào trong việc bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa?

- A. Nguồn lực hỗ trợ.
- B. Can thiệp trực tiếp.
- C. Hoạch định đường lối.
- D. Tổ chức thực hiện.

Câu 20. Nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng hàng đầu trong công tác quản lý di sản của mỗi quốc gia là

- A. công tác bảo vệ, bảo quản, tu bổ di sản.
- B. công tác chăm sóc, giữ gìn di sản.
- C. công tác sửa chữa theo hướng hiện đại.
- D. công tác phát huy giá trị di sản.

Câu 21. Một trong những cơ sở khoa học để bảo tồn và phát huy giá trị di sản là

- A. giá trị lịch sử, văn hóa.
- B. giá trị kinh tế, thương mại.
- C. giá trị kinh tế - xã hội.
- D. giá trị lịch sử, địa lí.

Câu 22. Nội dung nào sau đây không phải là vai trò của Sử học với việc bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa, thiên nhiên?

- A. Nghiên cứu hình thành, phát triển của di sản.
- B. Xác định vị trí, vai trò, ý nghĩa của di sản.
- C. Cung cấp thông tin phục vụ bảo tồn, phát huy di sản.
- D. Hoạch định chiến lược bảo tồn, phát huy di sản.

Câu 23. Nội dung nào sau đây không được xem là biện pháp để bảo tồn và phát huy tốt hơn giá trị của di sản văn hóa?

- A. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.
- B. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa.
- C. Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản.
- D. Làm mới lại các di sản văn hóa đang bị xuống cấp.

Câu 24. Ở Việt Nam, nơi nào dưới đây tập trung đa dạng các sử liệu, góp phần phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng?

- A. Trung tâm lưu trữ
- B. Thư viện
- C. Bảo tàng.
- D. Nhà văn hóa

Câu 25. Trong bảo tồn và phát huy giá trị của di sản, yêu cầu quan trọng nhất đặt ra là gì?

- A. Đáp ứng yêu cầu quảng bá hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam.
- B. Phải đảm bảo giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học vì sự phát triển bền vững.
- C. Phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội.
- D. Phải đảm bảo giá trị thẩm mỹ của di sản.

Câu 26. Sử học có mối quan hệ như thế nào với di sản văn hóa?

- A. Bảo vệ và lưu giữ các di sản
- B. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản
- C. Bảo tồn và khôi phục các di sản
- D. Bảo vệ, khôi phục các di sản

Câu 27. Chùa Thiên Mụ là di sản văn hóa nào dưới đây?

- A. Di sản văn hóa phi vật thể
- B. Di sản văn hóa vật thể
- C. Di sản thiên nhiên
- D. Di sản ẩm thực

Câu 28. Tổ chức quốc tế nào sau đây ghi danh, công nhận các danh mục di sản văn hóa thế giới?

- A. ASEAN.
- B. NATO
- C. UNESCO.
- D. WTO.

Câu 29. Công tác bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi...di sản được xem là nhiệm vụ

A. thường xuyên. B. lâu dài. C. trước mắt. D. xuyên suốt.

Câu 30. Một trong những khía cạnh về giá trị của một di sản là

A. lịch sử. B. địa lí. C. văn học. D. giáo dục.

Câu 31. Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong?

A. Lịch sử

B. Sau khi có chữ viết

C. Trong giai đoạn phát triển cao của xã hội

D. Mang nét đặc sắc riêng của công

đồng người.

Câu 32. Khác với văn minh, văn hóa thường có?

A. Trình độ phát triển cao, mang tầm vóc quốc tế

B. Có tính sáng tạo, thúc đẩy văn minh phát triển

C. Có bề dày lịch sử và mang tính dân tộc

D. Những giá trị sáng tạo ở trình độ cao nhất.

Câu 33. Mối quan hệ giữa văn minh và văn hóa?

A. Văn hóa ra đời trước, phát triển đến trình độ nào đó thì văn minh ra đời. Văn minh ra đời thúc đẩy văn hóa phát triển

B. Văn minh ra đời trước, phát triển đến trình độ nào đó thì văn hóa ra đời. Văn hóa ra đời thúc đẩy văn minh phát triển

C. Đều là những giá trị vật chất do loài người sáng tạo ra trong lịch sử nhưng văn minh là toàn bộ những gì loài người sáng tạo ra từ khi xuất hiện loài người cho đến nay.

D. Đều là những giá trị tinh thần do loài người sáng tạo ra trong lịch sử nhưng văn minh là toàn bộ những gì loài người sáng tạo ra từ khi xuất hiện loài người cho đến nay.

Câu 34. Văn minh là trạng thái tiên hoá, phát triển cao của nền văn hoá?

A. Qua một quá trình lịch sử - văn hoá lâu dài.

B. Trong suốt tiến trình phát triển của lịch sử.

C. Khi bắt đầu hình thành xã hội loài người.

D. Có bề dày lịch sử và mang tính dân tộc.

Câu 35: Ý nào dưới đây là đặc điểm của văn minh?

A. Ra đời cùng với sự xuất hiện và phát triển của xã hội loài người; có bề dày lịch sử.

B. Những giá trị do con người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển cao; chỉ trình độ phát triển.

C. Ra đời, phát triển đến trình độ nào đó thì văn minh ra đời.

D. Văn minh ra đời sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển.

Câu 36. Yếu tố tạo ra đặc tính, bản sắc của một xã hội hoặc nhóm người trong xã hội là

A. văn học. B. văn hóa. C. văn tự. D. văn minh.

Câu 37. So với những nền văn minh ở phương Tây, các nền văn minh ở phương Đông ra đời

A. muộn hơn. B. sớm hơn. C. cùng thời gian. D. cùng khu vực địa lí.

Câu 38. Một trong những tiêu chí đánh dấu con người bước vào thời đại văn minh là khi có?

A. công cụ đá.

B. công cụ đồng thau.

C. tiếng nói.

D. chữ viết.

Câu 39. Văn hóa có nét khác biệt với văn minh về

- A. trạng thái phát triển cao của nền văn hóa. B. những tiêu chuẩn riêng để nhận diện.
C. tạo ra đặc tính, bản sắc của xã hội. D. sự tiến bộ về vật chất và tinh thần.

Câu 40. Điều không phải là tiêu chuẩn cơ bản để nhận diện văn minh loài người?

- A. Nhà nước. B. Đô thị. C. Tôn giáo. D. Tổ chức xã hội.

Câu 41. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng nội hàm của khái niệm văn minh?

- A. Là tổng thể những giá trị vật chất, tinh thần của xã hội, hay của một nhóm người.
B. Là trạng thái phát triển cao của văn hoá.
C. Bắt đầu khi xã hội loài người xuất hiện nhà nước.
D. Khi con người đạt những tiến bộ về tổ chức xã hội, luân lí, kĩ thuật, chữ viết...

Câu 42. Những nền văn minh nào ở phương Đông vào thời cổ đại vẫn tiếp tục phát triển thời kỳ trung đại?

- A. Văn minh May-a và văn minh In-ca. B. Văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa.
C. Văn minh Hy Lạp và văn minh La Mã. D. Văn minh A-dơ-tếch và văn minh In-ca.

Câu 43. Điều là khái niệm văn minh của loài người?

- A. Là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần.
B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và văn hóa.
C. Là sự đi đầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
D. Là sự chuyển hóa thành công từ vượn thành người.

Câu 44. Điều là khái niệm văn hóa của loài người?

- A. Là những đòi hỏi của con người về vật chất và tinh thần.
B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và khoa học công nghệ.
C. Là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra.
D. Là những tiêu chuẩn cơ bản để cải thiện cuộc sống của con người.

Câu 45. Vì sao các nền văn minh ở phương Đông ra đời sớm, khoảng nửa sau thiên niên kỉ thứ IV TCN?

- A. Vì phương Đông là nơi phát sinh nguồn gốc loài người.
B. Có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thích hợp trồng cây lúa nước.
C. Có đường bờ biển dài, thuận lợi để buôn bán đường biển phát triển.
D. Đất đai màu mỡ, phì nhiêu, thuận lợi để phát triển nông nghiệp.

Câu 46. Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng giữa văn hóa và văn minh?

- A. Là những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra.
B. Là toàn bộ những giá trị do con người sáng tạo ra trong lịch sử.
C. Chỉ là những giá trị tinh thần mà loài người sáng tạo ra.
D. Là toàn bộ giá trị vật chất của loài người từ khi xuất hiện đến nay.

Câu 47. Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thiện khái niệm sau:

“..... là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử.”

- A. Văn vật. B. Văn hiến. C. Văn hóa. D. Văn minh.

Câu 48. Khi nào thì nhân loại bước vào thời kì văn minh?

- A. Khi công cụ bằng đá ra đời. B. Khi Nhà nước và chữ viết ra đời.
C. Khi con người xuất hiện trên Trái Đất. D. Khi con người biết trồng trọt.

Câu 49. Người Ai Cập viết chữ trên nguyên liệu gì?

- A. Lụa. B. Thợ tre, trúc.
c. Đất sét. D. Giấy pa-pi-rút (papyrus).

Câu 50. Vì sao những tri thức toán học ra đời sớm ở Ai Cập cổ đại?

- A. Do nhu cầu chia ruộng đất, ghi chép nợ và tri thức khoa học.
- B. Do nhu cầu tính toán trong xây dựng, phân chia ruộng đất.
- C. Do nhu cầu tính toán nợ và thu thuế của giai cấp thống trị.
- D. Do nhu cầu sản xuất nông nghiệp và phát triển thương nghiệp.

Câu 51. Việc xây dựng thư viện A-lếch-xan-đrì-a (Alexandria) ở Ai Cập thời cổ đại cho thấy người Ai Cập cổ?

- A. rất chuộng nghệ thuật.
- B. thích chơi sách.
- C. rất trân trọng và giữ gìn tri thức.
- D. rất muốn làm những điều khác lạ.

Câu 52. Bốn trung tâm văn minh lớn ở phương Đông thời kì cổ đại là?

- A. Ấn Độ, Trung Hoa, A-rập và Ai Cập.
- B. Trung Hoa, Ai Cập, Lưỡng Hà và La Mã.
- C. Hy Lạp, La Mã, Lưỡng Hà và Ấn Độ.
- D. Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Hoa.

Câu 53. Chữ viết Ai Cập cổ đại ra đời do nhu cầu

- A. quản lí hành chính.
- B. ghi chép và lưu trữ tri thức.
- C. trao đổi buôn bán.
- D. đo đạc, phân chia ruộng đất.

Câu 54. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của những thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại?

- A. Thể hiện sự sáng tạo của cư dân Ai Cập cổ đại.
- B. Để lại nhiều giá trị lịch sử sâu sắc cho đời sau.
- C. Đóng góp to lớn vào kho tàng văn minh nhân loại.
- D. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh phương Tây.

Câu 55. Công trình nào sau đây là thành tựu điêu khắc tiêu biểu của cư dân Ai Cập cổ đại?

- A. Tượng Phật.
- B. Tượng La Hán.
- C. Tượng Nhân sư.
- D. Tượng Quan Âm.

Câu 56. Chữ viết của người Ai Cập cổ đại là

- A. chữ Hán.
- B. chữ La-tinh.
- C. chữ hình nêm.
- D. chữ tượng hình.

Câu 57. Loại hình kiến trúc tiêu biểu nhất của Ai Cập cổ đại là

- A. nhà hát, sân vận động.
- B. nhà thờ, bến cảng, sân vận động.
- C. Cung điện, đền thờ và kim tự tháp.
- D. Vườn hoa, nhà hát, đền chùa.

Câu 58. Trong Toán học, người Ai Cập giỏi nhất về lĩnh vực nào?

- A. Hình học.
- B. Đại số.
- C. Toán logic
- D. Giải tích.

Câu 59. Sự ra đời của chữ viết ở Ai Cập cổ đại, không mang lại ý nghĩa nào sau đây?

- A. Là phương tiện chủ yếu để lưu giữ thông tin.
- B. Phản ánh trình độ tư duy của cư dân Ai Cập.
- C. Là phương thức để thống nhất các công xã nông thôn.
- D. Là cơ sở để người đời sau nghiên cứu về văn hóa cổ đại.

Câu 60. Các thành tựu về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của cư dân Ai Cập cổ đại không thể hiện ý nghĩa nào sau đây?

- A. Đóng góp lớn vào kho tàng văn minh nhân loại.
- B. Phản ánh trình độ tư duy của cư dân Ai Cập.

C. Là phương tiện chủ yếu để lưu giữ thông tin, tri thức.

D. Là biểu hiện của tính chuyên chế, quan niệm tôn giáo.

Câu 61. Trường phái tư tưởng nào sau đây không phải là thành tựu của cư dân Trung Quốc thời cổ đại?

A. Nho gia. B. Pháp gia. C. Mặc gia. D. Phật giáo.

Câu 62. Ở Trung Quốc thời cổ đại, loại chữ viết khắc trên mai rùa, xương thú được gọi là gì?

A. Kim văn. B. Thạch cổ văn. C. Giáp cốt văn. D. Trúc thư.

Câu 63. Khổng Tử, Mạnh Tử là những đại diện tiêu biểu của trường phái tư tưởng nào ở Trung Quốc thời cổ đại?

A. Nho gia. B. Đạo gia. C. Mặc gia. D. Pháp gia.

Câu 64. "Tứ đại phát minh" (kỹ thuật làm giấy, kỹ thuật in, thuốc súng và la bàn) là phát minh của cư dân

A. Ai Cập. B. Trung Hoa. C. Ấn Độ. D. Hy Lạp.

Câu 65. Đây là tập thơ lớn nhất thời cổ đại ở Trung Quốc?

A. Kinh Thi. B. Hán thư. C. Sử kí. D. Hồng Lôu Mộng.

Câu 66. Hai công trình nào của cư dân Trung Quốc thời cổ - trung đại được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào năm 1987?

A. Ngộ Môn Quan và Vạn Lý Trường Thành.

B. Di Hòa Viên và Cung A Phòng.

C. Vạn Lý Trường Thành và Lăng Ly Sơn.

D. Viên Minh Viên và Thập Tam lăng.

Câu 67. Đây không phải là phát minh về kỹ thuật của người Trung Quốc?

A. Kỹ thuật làm giấy B. Thuốc súng. C. La bàn D. Máy hơi nước

Câu 68. Tác phẩm nào dưới đây được coi là nền tảng của sử học Trung Hoa thời phong kiến?

A. Tây du kí. B. Hồng lôu mộng. C. Sử kí. D. Hán thư.

Câu 69. Ai là người đặt nền móng cho nền sử học Trung Hoa?

A. Lã Bất Vi. B. Tư Mã Thiên. C. Khổng Tử. D. Tào Tuyết Cần.

Câu 70. Trung Hoa có bốn phát minh kỹ thuật quan trọng là

A. Kỹ thuật in, làm giấy, la bàn, thuốc súng.

B. Luyện kim, bom nguyên tử, la bàn, thuốc súng.

C. Kỹ thuật in, la bàn, bom nguyên tử, giấy.

D. Thuốc súng, súng tiểu liên, bom nguyên tử, la bàn.

Câu 71. Các nhà thơ tiêu biểu dưới thời Đường là

A. Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị,...

B. Đồng Trọng Thư, Đỗ Phủ, Lý Bạch,...

C. Tô Đông Pha, Lý Bạch, Bạch Cư Dị,...

D. Tào Tuyết Cần, Thi Nại Am, Đỗ Phủ,...

Câu 72. Tác phẩm nào dưới đây không thuộc tứ đại danh tác của văn học Trung Hoa thời trung đại?

A. Hồng lôu mộng.

B. Tam quốc diễn nghĩa.

C. Đại Ngã oan.

D. Tây du kí

Câu 73. Nhà toán học nào của Trung Quốc đã tính được số Pi đến 7 chữ số thập phân?

- A. Lý Thời Trân.
- B. Đồng Trọng Thư.
- C. Tổ Xung Chi.
- D. Trương Hành.

Câu 74. Phát minh kỹ thuật nào của Trung Quốc được ứng dụng nhiều trong lĩnh vực hàng hải?

- A. Thuốc súng.
- B. La bàn.
- C. Giấy.
- D. Kỹ thuật in.

Câu 75. Biểu tượng trên quốc huy của nước Cộng hòa Ấn Độ hiện nay lấy cảm hứng từ thành tựu nào của người Ấn Độ cổ đại?

- A. Đỉnh trụ cột đá A-sô-ca.
- B. Đại bảo tháp San-chi.
- C. Lăng mộ Ta-giơ Ma-han
- D. Chim bồ câu và cành ô-liu.

Câu 76. Cái gì không có ở thì không thể có ở Ấn Độ.

- A. Ra-ma-y-a-na (Ramayana).
- B. Ma-ha-ba-hra-ta (Mahabahrata).
- C. Raam-cha-rit-maa-nas (Raamcharitmaanas).
- D. Sha-kun-ta-la (Shakuntala)

Câu 77. Văn hóa có nét khác biệt với văn minh về

- A. trạng thái phát triển cao của nền văn hóa.
- B. những tiêu chuẩn riêng để nhận diện.
- C. tạo ra đặc tính, bản sắc của xã hội.
- D. sự tiến bộ về vật chất và tinh thần.

Câu 78. Điều không phải là tiêu chuẩn cơ bản để nhận diện văn minh loài người?

- A. Nhà nước.
- B. Đô thị.
- C. Tôn giáo.
- D. Tổ chức xã hội.

Câu 79. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng nội hàm của khái niệm văn minh?

- A. Là tổng thể những giá trị vật chất, tinh thần của xã hội, hay của một nhóm người.
- B. Là trạng thái phát triển cao của văn hoá.
- C. Bắt đầu khi xã hội loài người xuất hiện nhà nước.
- D. Khi con người đạt những tiến bộ về tổ chức xã hội, luân lý, kỹ thuật, chữ viết...

Câu 80. Những nền văn minh nào ở phương Đông vào thời cổ đại vẫn tiếp tục phát triển thời kỳ trung đại?

- A. Văn minh May-a và văn minh In-ca.
- B. Văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa.
- C. Văn minh Hy Lạp và văn minh La Mã.
- D. Văn minh A-dơ-têch và văn minh In-ca.

Câu 81. Điều là khái niệm văn minh của loài người?

- A. Là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần.
- B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và văn hóa.
- C. Là sự đi đầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
- D. Là sự chuyển hóa thành công từ vượn thành người.

Câu 82. Điều là khái niệm văn hóa của loài người?

- A. Là những đòi hỏi của con người về vật chất và tinh thần.
- B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và khoa học công nghệ.
- C. Là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra.
- D. Là những tiêu chuẩn cơ bản để cải thiện cuộc sống của con người.

Câu 83. Vì sao các nền văn minh ở phương Đông ra đời sớm, khoảng nửa sau thiên niên kỷ thứ IV TCN?

- A. Vì phương Đông là nơi phát sinh nguồn gốc loài người.
- B. Có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thích hợp trồng cây lúa nước.
- C. Có đường bờ biển dài, thuận lợi để buôn bán đường biển phát triển.
- D. Đất đai màu mỡ, phì nhiêu, thuận lợi để phát triển nông nghiệp.

Câu 84. Tôn giáo nào ra đời ở Ấn Độ vào thế kỉ I TCN và trở thành một trong những tôn giáo lớn nhất thế giới?

- A. Nho giáo.
- B. Bà La Môn giáo.
- C. Hin-đú giáo.
- D. Phật giáo.

Câu 85. Tiêu biểu nhất cho nền văn học Trung Hoa thời cổ-trung đại là loại hình nào?

- A. Truyền thuyết, truyện ngắn.
- B. Thơ Đường, tiểu thuyết.
- C. Thơ ca, truyện ngụ ngôn.
- D. Văn học viết, thần thoại.

Câu 86. Trong các nền văn minh cổ đại ở phương Đông, các nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ có điểm gì khác so với văn minh Ai Cập?

- A. Chịu ảnh hưởng của nền văn minh A – rập trong một thời gian dài.
- B. Tiếp tục phát triển sang thời trung đại.
- C. Đạt nhiều thành tựu rực rỡ trên các lĩnh vực.
- D. Hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn.

Câu 87. Tôn giáo nào không khởi nguồn từ Ấn Độ?

- A. Hồi giáo.
- B. Phật giáo.
- C. Hin-đú giáo.
- D. Bà La Môn giáo.

Câu 88. Loại chữ cổ nhất của người Trung Quốc là

- A. chữ giáp cốt, kim văn.
- B. chữ Hán.
- C. chữ Kha-rốt-ti.
- D. chữ tượng hình viết trên giấy pa-pi-rút.

Câu 89. 10 chữ số mà ngày nay chúng ta đang sử dụng là thành tựu của nền văn minh nào?

- A. Ai Cập.
- B. Hy Lạp.
- C. Ấn Độ.
- D. Trung Hoa.

Câu 90. Loại chữ viết của nền văn minh nào được cư dân của nhiều quốc gia Đông Nam Á thời cổ - trung đại tiếp thu?

- A. Văn minh Ai Cập.
- B. Văn minh Lưỡng Hà.
- C. Văn minh Ấn Độ.
- D. Văn minh Trung Hoa.

Câu 91. Nền văn minh nào ở phương Đông tồn tại liên tục, lâu đời nhất và có ảnh hưởng sâu sắc đến văn minh thế giới?

- A. Văn minh Ai Cập.
- B. Văn minh Lưỡng Hà.
- C. Văn minh Hy Lạp- La Mã.
- D. Văn minh Trung Hoa.

Câu 92. Đây là một trong bốn phát minh lớn của người Trung Hoa vào thời cổ-trung đại và thế giới vẫn còn tiếp tục sử dụng đến ngày nay?

- A. Phát minh ra la bàn.
- B. Chế tạo bê tông.
- C. Nêu ra thuyết nguyên tử.
- D. Giới về giải phẫu người.

Câu 93. Tôn giáo cổ xưa nhất của người Ấn Độ là

- A. Bà La Môn giáo.
- B. Hin-đú giáo.
- C. Phật giáo.
- D. Hồi giáo.

Câu 94. Loại văn tự nào sau đây là chữ viết của người Ấn Độ trong thời kì cổ - trung đại?

- A. Chữ Hán.
- B. Chữ Nôm.
- C. Chữ La-tinh.
- D. Chữ Phạn.

Câu 95. Kiến trúc và điêu khắc của Ấn Độ thời cổ - trung đại chủ yếu chịu ảnh hưởng của yếu tố nào?

- A. Tôn giáo.
- B. Văn học.
- C. Khoa học.
- D. Triết học.

Câu 97. Những thành tựu văn minh Ấn Độ cổ - trung đại có ý nghĩa như thế nào đối với văn minh nhân loại?

- A. Góp phần làm phong phú kho tàng văn minh nhân loại.
- B. Khởi đầu thời kì văn minh nông nghiệp trên toàn thế giới.
- C. Là cơ sở hình thành hai nền văn minh Ai Cập và Trung Hoa.
- D. Thúc đẩy nhân loại tiến lên thời kì văn minh công nghiệp.

Câu 98. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm để hoàn thiện khái niệm sau:

“..... là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người; là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa, khi xã hội loài người vượt quan trình độ của thời kì dã man”.

- A. Văn minh.
- B. Văn tự.
- C. Văn vật.
- D. Văn hiến.

Câu 99. Sự ra đời của chữ viết ở Ai Cập cổ đại, không mang lại ý nghĩa nào sau đây?

- A. Là phương tiện chủ yếu để lưu giữ thông tin.
- B. Phản ánh trình độ tư duy của cư dân Ai Cập.
- C. Là phương thức để thống nhất các công xã nông thôn.
- D. Là cơ sở để người đời sau nghiên cứu về văn hóa cổ đại.

Câu 100. Các thành tựu về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của cư dân Ai Cập cổ đại không thể hiện ý nghĩa nào sau đây?

- A. Đóng góp lớn vào kho tàng văn minh nhân loại.
- B. Phản ánh trình độ tư duy của cư dân Ai Cập.
- C. Là phương tiện chủ yếu để lưu giữ thông tin, tri thức.
- D. Là biểu hiện của tính chuyên chế, quan niệm tôn giáo.

.....HẾT.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

BÙI THỊ THỦY